

**BẢN TIN**

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ  
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An  
(Tuần từ 25/9/2020 - 1/10/2020)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

TT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 16/09 đến 23/09/2020 (mm)	Lượng mưa thực đo từ 01/01 đến 23/09/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích cùng thời đoạn (%)				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	478,0	1465,2	+24	+48	+3	-13	22,8
2	Đô Lương	124,4	860,7	-29	-29	-37	-19	24,0
3	Cửa Rào	103,1	857,2	-19	+5	-46	-8	43,8
4	Tây Hiếu	148,2	868,7	-26	-5	-49	-13	27,4
5	Nam Đàn	303,0	998,0	-10	+1	-30	-10	27,9
6	Quỳ Châu	159,9	1510,0	+14	+52	-20	+26	38,3
7	Quỳnh Lưu	218,0	786,3	-25	-17	-58	-31	29,8
8	Quỳ Hợp	112,2	1141,8	-12	+2	-36	+32	34,7
9	Mường Xén	87,0	931,0	-7	0	-26	+15	61,3
10	Nghĩa Khánh	139,0	993,0	-9	+9	-30	+2	0,0
<b>Trung bình</b>		<b>187,3</b>	<b>1041,2</b>	<b>-10</b>	<b>+6</b>	<b>-33</b>	<b>-2</b>	<b>31,0</b>

**Nhận xét:**

- Tổng lượng mưa thực đo trong tuần từ 16/9/2020 đến 19h ngày 23/9/2020 trong vùng trung bình khoảng 187mm., trong đó lượng mưa đo được cao nhất là trạm Vinh với lượng mưa đạt 478mm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trong vùng từ ngày 1/1 đến ngày 23/9/2020 dao động từ 790 - 1510 mm. Trong đó:
  - + So với trung bình nhiều năm: lượng mưa đo được tại phần lớn các trạm đều thấp hơn từ 7 - 29%, riêng trạm Quỳ Châu cao hơn 14%, Vinh cao hơn 24%
  - + So với cùng kỳ năm 2019: lượng mưa đo được tại các trạm thấp hơn từ 6 - 45%, riêng Quỳ Châu, Quỳ Hợp, Mường Xén, Nghĩa Khánh cao hơn từ 2-32%
  - + So với cùng kỳ năm 2018: lượng mưa đo được tại các trạm thấp hơn từ 20-58%, riêng trạm Vinh cao hơn 3%.

+ So với cùng kỳ năm 2015: lượng mưa đo được tại 6/10 trạm cao hơn từ 1- 52%, 03 trạm Đô Lương, Tây Hiếu, Quỳnh Lưu thấp hơn 5-29%, trạm Mường Xén tương đương cùng kỳ năm 2015

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

### a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	48	48	-14	+14	-33	-9	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	16	11	-27	0	-78	-31	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	23	22	-20	+13	-77	-15	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	35	30	-28	-5	-65	-37	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	100	100	+5	+29	0	0	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	33	31	-24	+15	-67	-37	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	44	40	-15	+15	-56	-2	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	9	3	-51	-30	-91	-50	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	36	34	-21	+10	-62	-18	Giảm
10	Kẻ Sắt	3,0	2,9	3	-2	-50	-28	-97	-23	Giảm
11	Nhà Trò	4,7	4,4	44	39	-26	+15	-56	-35	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	17	8	-40	-15	-83	-31	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	19	11	-46	-36	-81	-52	Giảm
14	Vệ Vừng	18,4	17,2	13	7	-45	-25	-87	-40	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	20	15	-42	-19	-80	-39	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	23	16	-46	-32	-76	-49	Giảm
17	Bà Tuy	5,5	5,1	21	16	-27	-1	-79	-24	Giảm
18	Vực Máu	75,0	63,7	45	35	-28	-17	-49	-22	Giảm
19	Bàu Đá	3,9	3,7	39	36	-17	+13	-61	-2	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	-0	0	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	6	3	-33	+6	-94	-2	Giảm
22	Cao Cang	1,6	1,6	79	78	+7	+57	-21	+47	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	23	23	-40	-14	-77	-52	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	51	51	-28	-49	-49	-49	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	76	70	-7	-18	-10	+2	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	27	-3	-42	-	-73	-54	Giảm
28	Khe Sân	1,5	1,4	16	13	0	-	-	-	Giảm
29	Đình Dù	1,7	1,6	26	21	-33	-8	-74	-26	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	0	-6	-18	-	-	-36	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	13	12	-5	-	-	-11	Giảm
32	Đá Bàn	1,2	1,1	10	5	-8	-	-	-17	Giảm
33	Khe Bung	2,1	2,0	54	51	-21	-5	-37	-38	Giảm
34	Đôi Tương	2,4	2,2	19	12	-56	-57	-72	-73	Giảm
35	Bà Hảo	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Giảm
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	37	33	-47	-60	-62	-33	Giảm



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
	NGHỆ AN	265,1	233,7	43	35	-26	-13	-50	-23	

**b) Nhận xét:**

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 43% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 26% so với TBNN, 23% so với năm 2019, 50% so với năm 2018 và thấp hơn 13% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại, có 3 hồ mực nước đã dưới mực nước chết là Kê Sắt, Khe Thần, Mộ Dạ; 4 hồ Nghi Công, Cầu Cau, Khe Là, Bà Hảo đang đầy nước.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối tuần tới của các hồ có 31/36 xu thế giảm, 5/36 có xu thế tăng so với cùng kỳ năm 2019.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m <sup>3</sup> /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1.834,6	1.383	68	57,5	-6,6	-0,8	-19,6	-0,9	Giảm	61,5
T.Bình	1.834,6	1.383								

**Nhận xét:**

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có thấp hơn 6,6% so với TBNN, 0,9% so với năm 2019, 19,8% so với năm 2018, và 0,8% so với năm 2015 cùng kỳ.

**II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN**

**2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi**

Đến thời điểm hiện tại 36 hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An kết thúc nhiệm vụ tưới cho vụ Hè Thu năm 2020, dung tích đạt 43% so với DTTK, thấp hơn so với cùng kì năm 2019, 2018, 2015. Hiện nay các công trình đang trong giai đoạn tích nước. Theo dự báo, trong tuần tới lượng mưa trung bình toàn vùng đạt 31mm, đến cuối tuần dung tích các hồ trên lưu vực sông Lam đạt khoảng 45% so với DTTK.

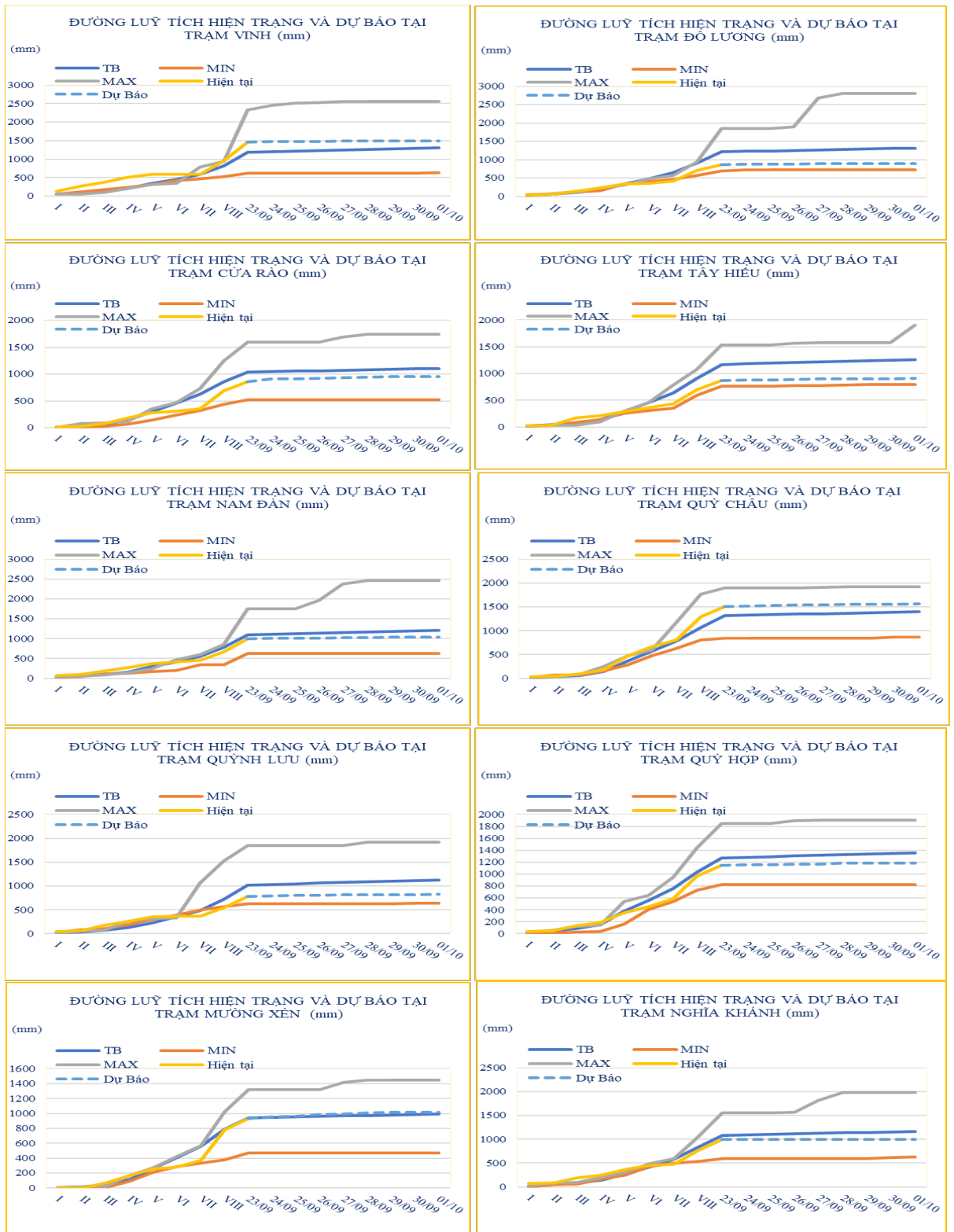
**2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**



TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/1/2020 đến 1/10/2020 (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Vinh	Vinh	1493,0	+136	+13	-42	Có mưa
2	Đô Lương	Đô Lương	898,2	+25	-32	-68	Có mưa
3	Cửa Rào	Cửa Rào	951,4	+82	-14	-45	Có mưa vừa
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	906,5	+14	-29	-52	Có mưa
5	Nam Đàn	Nam Đàn	1037,1	+66	-14	-58	Có mưa
6	Quý Châu	Quý Châu	1561,2	+81	+12	-19	Có mưa
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	823,8	+29	-28	-57	Có mưa
8	Quý Hợp	Quý Hợp	1185,7	+43	-11	-38	Có mưa
9	Mường Xén	Mường Xén	1015,4	+117	-4	-30	Có mưa vừa
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	993,0	+59	-14	-50	Không mưa

**Nhận xét và khuyến cáo:**

- Lượng mưa dự báo từ ngày 25/9 đến ngày 1/10 trong vùng phổ biến từ 0 - 61 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/1 đến nay và dự báo cho thấy: Phần lớn các trạm thấp hơn từ 4 ÷ 32%, riêng 2 trạm cao hơn từ 12 ÷ 13% so với cùng kỳ TBNN.



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020

### 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Cộng										

#### IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước trữ các hồ chứa hiện ở mức thấp so với TBNN, chỉ đạt 43%. Trong thời gian tới, các hồ tiến hành tích nước, tăng dung tích trữ để đảm bảo cấp đủ nước cho vụ mùa và đông xuân sắp tới.

Tỉnh Nghệ An đã bước vào tháng mùa mưa lũ, đề nghị các địa phương, cơ quan quản lý vận hành công trình cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch phòng chống ngập lụt, úng và phương án vận hành đảm bảo an toàn công trình, đồng thời tích trữ nước hợp lý đảm bảo phục vụ sản xuất cho vụ tiếp theo.

**Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 1/10/2020.**

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**